

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:73/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 11 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Bà Nguyễn Kim Dung;

2, Ông Nguyễn Quang Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:91/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lương Ngọc Đ

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y; có mặt.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Th

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lương Ngọc Đ trình bày: Năm 2009 anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Th. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh và chị Th sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Anh Đ xác định tình cảm vợ

chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có một con chung cháu Lương Ánh Đ, sinh ngày 20-6-2010 con chung hiện đang ở với anh Đ, khi ly hôn anh Đ yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Th trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày là đúng, vợ chồng anh, chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2009, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị Th nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Điệp có 01 con chung cháu Lương Ánh Đ, sinh ngày 20-6-2010, con chung hiện đang ở với Điệp, khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung chị Th đồng ý.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải nhiều lần, nhưng chị Th không có mặt, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được. Tại phiên tòa anh Lương Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vắng mặt chị Th theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, các đương sự tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Điệp ly hôn với chị Th. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, thu nhập và nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Giao cho anh Đ là người trực tiếp nuôi con chung, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của anh Lương Ngọc Đ, do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do bị đơn chị Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: anh Lương Ngọc Điệp và chị Nguyễn Thị Th kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Th. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của các đương sự, do quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, anh Đ và chị Th đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng anh Đ, chị Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay là đúng thực tế căn cứ biên bản xác minh ngày 18-10-2019 tại thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác tại bản tự khai ngày 21-10-2019 chị Th đồng ý ly hôn với anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Ngọc Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

[3] Về con chung: anh Lương Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung cháu Lương Ánh Đ sinh ngày 20-6-2010, con chung hiện đang ở với anh Đ.

Căn cứ thu nhập hiện tại anh Đ hiện đang làm nghề tự do, là thợ kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng thu nhập trung bình hằng tháng là 9.000.000,đồng (Chín triệu đồng), điều kiện chỗ ở ổn định, anh có yêu cầu được nuôi con chung, phù hợp với quan điểm của chị Th, nguyện vọng của cháu Đào và phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ được nuôi con chung. Do anh Đ không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: anh Lương Ngọc Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Ngọc Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

2, Về con chung: Anh Lương Ngọc Điệp trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cháu Lương Ánh Đ, sinh ngày 20-6-2010 đến khi trưởng thành, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

3, Về án phí: Anh Lương Ngọc Đ phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2017/0004612 ngày 24-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Minh Chuẩn;
- UBND xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

